| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN PHÚ**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 5 – 2019.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nam**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Hải.**
2. Bà **Phạm Thị Liễu.**

***Thư ký phiên tòa***: Ông **Mai Văn Lợi** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa***: Bà **Lương Thị Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 495/2018/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T – sinh năm 1982.
Địa chỉ: 04 Tổ 7, Ấp TL, xã PX, huyện TP, Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Trần Lục D – sinh năm: 1978.
Địa chỉ: 04 Tổ 7, Ấp TL, xã PX, huyện TP, Đồng Nai.
*(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh D vắng mặt không có lý do)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:*

Chị và anh Trần Lục D tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2004 và được UBND xã PX cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/4/2004. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Anh D ham mê đánh đề, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Thậm chí anh D còn nhiều lần chửi bới, đánh đập chị và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Do đó trong cuộc sống chung vợ

chồng thường xuyên cãi vã, căng thẳng. Từ tháng 11/2018 chị và anh D sống ly thân nhau cho đến nay. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Lục D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là:

- Trần Trung N – sinh ngày: 05/11/2004.
- Trần Ngọc Thủy T – sinh ngày: 14/4/2014.

Từ khi chị và anh D ly thân nhau đến nay, các con chung sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Trần Lục D trình bày:*

Anh và chị Đoàn Thị T tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2004 và được Ủy ban nhân dân xã PX cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/4/2004. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh thỉnh thoảng có đánh đề. Ngoài ra anh cũng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên chị T không tin tưởng anh. Do đó tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, thỉnh thoảng có cãi vã, xô xát nhau. Từ trước đến nay chị T đã nhiều lần bỏ nhà đi, lần bỏ đi gần đây nhất từ tháng 11/2018 nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Tố yêu cầu ly hôn, do anh vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là:

- Trần Trung N – sinh ngày: 05/11/2004.
- Trần Ngọc Thủy T1 – sinh ngày: 14/4/2014.

Từ khi anh và chị T sống ly thân nhau đến nay, con chung sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung thì anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị T và anh D (bản sao); Sổ hộ khẩu (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Bảng chi tiết giao dịch tài khoản khách hàng của chị T (bản chính).

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản thể hiện nguyện vọng của cháu Trần Trung N; Biên bản xác minh ngày 22/01/2019 đối với ông Vũ Đình Th và ông Nguyễn Chí C. Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy

định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị T và anh D đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, cho chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Trần Lục D.

+ Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Trần Trung N – sinh ngày: 05/11/2004 và Trần Ngọc Thủy T1 – sinh ngày: 14/4/2014 cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D do chị T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D kê khai không có, không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Đoàn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Trần Lục D. Anh D đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chị Đoàn Thị T và anh Trần Lục D là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị T và anh D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PX vào ngày 24/9/2004. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, nay chị T yêu cầu ly hôn với anh D thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T yêu cầu ly hôn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cả hai không cùng nhau quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Anh D không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng mất tin tưởng lẫn nhau. Chị T và anh D đều thừa nhận trong cuộc sống chung thường xuyên cãi vã, xô xát và từ tháng 11/2018 đến nay anh chị sống ly thân nhau. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 40 – 41).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy để chị T có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị T là cho chị được ly hôn với anh D là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là:

- Trần Trung N – sinh ngày: 05/11/2004.
- Trần Ngọc Thủy T1 – sinh ngày: 14/4/2014.

Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh D cũng đồng ý với yêu cầu trên.

Xét thấy bản thân chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, từ khi chị T và anh D sống ly thân đến nay, các con chung sống cùng chị T và cháu N có nguyện vọng được trực tiếp sống cùng chị T. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của các con chung nên tiếp tục giao cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D do chị T không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Đoàn Thị T chịu án phí DSST về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T.

Cho chị Đoàn Thị T được ly hôn anh Trần Lục D.

2. Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là:

- Trần Trung N – sinh ngày: 05/11/2004.
- Trần Ngọc Thủy T1 – sinh ngày: 14/4/2014.

Giao 02 con chung cho chị Đoàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Trần Lục D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006166 ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Chị T và anh D có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã PX: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 143, cấp ngày 29/4/2004);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nam**